

Bản án số: 13/2018/HSST

Ngày: 09-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Nam Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Hiệu trưởng Trường THCS Trần Quốc Toản, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo - Phó Trưởng Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực - Cán bộ Tòa án nhân dân quận 2.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận 2 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đạt - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2017/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/ QĐXXST -HS ngày 17 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu N1, giới tính: Nam; sinh năm: 1993; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không ổn định; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm: 1974; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày: 14/3/2017, có mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1974 là mẹ ruột của bị cáo N1.

Địa chỉ: đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*** Người bị hại:**

1/ Chị Lại Thị T1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: đường E, khu phố F, phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Anh Nguyễn Viết L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn I, xã K, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

3/ Chị Phan Thị T2, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: đường M, phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4/ Chị Hồ Ngọc X, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu phố N, phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định nên Trần Anh P, Lê Hoàng N2, Trần Tấn Q, Trần Minh N3, Thạch Nguyễn Hoàng Đ, Châu Quốc T3, Phạm Văn M và Nguyễn Hữu N1 cùng nhau đi cướp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể các vụ như sau:

Vụ thứ 1:

Khoảng 03 giờ 40 phút ngày 28/03/2011, T3 chở P đi bằng xe mô tô hiệu Wave biển số: 54X7-2728, N1 chở N2 bằng xe mô tô hiệu Dream của N1 không rõ biển số, N3 chở Đ bằng xe mô tô hiệu Wave biển số 54X7-7214 của Đ cùng nhau đi cướp tài sản của người khác. Khi cả nhóm điều khiển xe mô tô đến gần chân cầu Mỹ Thủy thuộc khu phố 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 thì phát hiện chị Lại Thị T1 (sn 1971) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 54X5-4152, màu đen xám chạy cùng chiều ở phía. Thấy vậy, T3 chở P vượt xe lên ép sát chị T1, hoảng sợ chị T1 dừng xe lại thì P liền kéo chị T1 ra khỏi xe để N2 lấy xe tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe này, N2 và P mang xe đi bán cho Phạm Văn M được 4.000.000 đồng lấy tiền chia đều nhau, mỗi người được 500.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng tất cả tiêu xài chung.

Vụ thứ 2:

Khoảng 03 giờ 15 phút ngày 01/04/2011, N2 chở P có đem theo một roi điện cất giấu trong người do Phạm Văn M cung cấp đi bằng xe mô tô hiệu Wave biển số: 54X7-2728 của P còn N1 chở Q bằng xe Dream biển số 60H9-5539 của Q. Khi cả nhóm đi đến trước quán cà phê Vườn Tràm tại số 143 Đỗ Xuân Hợp, tổ 29, KP3, phường An Phú, Quận 2 thì phát hiện anh Nguyễn Viết L (sn 1987) điều khiển xe mô tô hiệu Wave Trung Quốc biển số: 60S3-3942, màu đỏ cũng đang lưu thông phía trước cùng chiều. Lúc này N2 ép xe anh L để P ngồi sau dùng roi điện chích vào người làm anh L hoảng sợ quăng xe bỏ chạy bộ và Q lấy xe tẩu thoát. Chiếc xe này, N1 để lại sử dụng và bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng cho tất cả tiêu xài chung.

Vụ thứ 3:

Sau khi thực hiện xong vụ thứ 2, đến khoảng 03 giờ 40 phút ngày 01/04/2011, Q điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 60S3-3942 vừa cướp được của anh L, N2 chạy xe mô tô hiệu Wave biển số: 54X7-2728, còn N1 chở P bằng xe Dream biển số 60H9-5539 đi đến dưới chân cầu vượt Cát Lái, khu phố 3, phường An Phú, Quận 2 thì phát hiện chị Phan Thị T2 (sn 1962) điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Mio biển số 51K3-4020, màu đen đi từ Đại lộ Đông Tây ra hướng đường Xa Lộ Hà Nội. Thấy vậy, tất cả dừng xe lại chặn đầu xe chị T2, P tiếp tục lấy roi điện ra chích vào người chị T2 làm chị T2 té ngã xuống đường, N2 lấy xe mô tô tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được xe này, P để lại sử dụng và bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng chia nhau chia đều mỗi người được 500.000 đồng tiêu xài. Sau đó, P bán chiếc xe trên lại cho Phan Thanh L (sn 1996) và Phan Thanh L lấy xe này sử dụng đi cướp giật tại quận Thủ Đức thì bị Công an quận Thủ Đức bắt và tạm giữ xe. Khi bán xe cho Phan Thanh L, P không nói cho Phan Thanh L biết là xe do cướp được của người khác và bản thân Phan Thanh L cũng không biết tài sản do P phạm tội mà có. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 đã thu hồi chiếc xe mô tô trên trả lại cho chị T2.

Vụ thứ 4:

Khoảng 01 giờ 45 phút ngày 11/04/2011, N1 chở N3 bằng xe mô tô hiệu Wave biển số 60S3-3942 cướp được của anh Nguyễn Viết L còn N2 chở P bằng xe Mio cướp được của chị Phan Thị T2 mang theo một roi điện. Khi đến trước nhà số 123A Khu phố 3, phường An Phú, Quận 2 thì phát hiện chị Hồ Ngọc X (sn 1984) đang dừng xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số: 59G1-001.32 bên đường đứng nghe điện thoại. Thấy vậy, N2 và N1 liền chạy xe đến tấp vào, N1 dùng chân đạp vào người chị X, P dùng roi điện chích, còn N2 nắm chân chị X kéo ra khỏi xe để P lấy xe máy và chiếc điện thoại di động hiệu Sony Erisson C3 trên tay chị X rồi tất cả tẩu thoát, bên trong yên xe chị X có 1.000.000 đồng. Sau đó, tất cả mang chiếc xe trên bán cho Phạm Văn M được 8.000.000 đồng chia đều nhau tiêu xài, P lấy chiếc điện thoại di động hiệu Sony Erisson C3 sử dụng và bỏ ra số tiền 300.000 đồng để cả nhóm tiêu xài chung còn P sử dụng điện thoại một thời gian thì hư hỏng nên vứt bỏ.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 393/HĐĐGTS-TCKH ngày 31/10/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 2 thì giá trị tài sản các vụ cướp nêu trên như sau: 01 xe mô tô Wave S biển số 54X5 - 4152 trị giá 11.900.000 đồng, 01 xe mô tô Wave Trung Quốc biển số 60S3 - 3942 trị giá 3.000.000 đồng, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Mio biển số 51K3 - 4020 trị giá 8.000.000 đồng, 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 59G1 - 001.32 trị giá 29.600.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Sony Erisson C3 trị giá 800.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản thiệt hại mà Nhứt tham gia chiếm đoạt của các bị hại là 53.300.000 (năm mươi ba triệu ba trăm nghìn) đồng.

Các đối tượng: Lê Hoàng N2, Trần Tấn Q, Trần Minh N3 và Thạch Nguyễn Hoàng Đ, Trần Anh P, Châu Quốc T3, Phạm Văn M đã bị Tòa án nhân

dân Quận 9, Quận 2, quận Thủ Đức và Tòa án nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt về hành vi “Cướp tài sản”. Riêng Nguyễn Hữu N1 bỏ trốn. Đến ngày 06/02/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 ra Quyết định truy nã đối với N1. Đến ngày 14/03/2017, Công an quận Thủ Đức bắt được N1 và áp dụng biện pháp tạm giam để điều tra về hành vi “Cướp tài sản” trên địa bàn quận Thủ Đức.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Wave Trung Quốc biển số 60S3 - 3942, màu đỏ mà N1 cùng đồng phạm cướp được của anh Nguyễn Viết L thì N1 sử dụng một thời gian rồi bán lại cho người khác không rõ lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại trong các vụ án nêu trên đã nhận được tiền bồi thường từ phía gia đình các bị cáo khác trong vụ án trên nên không yêu cầu đòi bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với các kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Bản Cáo trạng số 79/CTr-VKS ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu N1 về tội “Cướp tài sản” theo Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Nguyễn Hữu N1 cùng đồng phạm đã có hành vi dùng roi điện là hung khí nguy hiểm uy hiếp tinh thần chiếm đoạt tài sản của chị Lại Thị T1, Phan Thị T2, Hồ Ngọc X và anh Nguyễn Viết L với tổng tài sản trị giá 53.300.000 đồng. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Hữu N1 đã phạm vào tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp dùng phương tiện nguy hiểm và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đến dưới hai trăm triệu đồng tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, cần phải xử lý trước pháp luật để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã được giải quyết yêu cầu bồi thường trong các vụ án trước và cam kết không khiếu nại, thắc mắc gì về sau nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều

133; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 69; Điều 71; Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu N1 từ 06 đến 07 năm tù.

Bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng:

Bị cáo lúc đó còn nhỏ dại nên không biết suy nghĩ, nay bị cáo đã rất ân hận xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi:

Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu N1 đã thừa nhận cùng với đồng bọn thực hiện nhiều vụ cướp như cáo trạng đã nêu.

Lời khai của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản định giá tài sản, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng ... và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu N1 đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây nguy hiểm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của người bị hại, gây hoang mang dao động trong quần chúng nhân dân. Vụ án có đồng phạm trong đó vai trò của các bị cáo là như nhau trong việc tìm đối tượng, ra tay đánh đuổi, đe dọa người bị hại và cùng nhau trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo là thanh niên, có sức khỏe đủ điều kiện để trở thành người có ích cho xã hội, nhưng chỉ vì muốn có tiền mà không phải lao động, thích hưởng thụ bị cáo đã dùng vũ lực đe dọa đối với những người bị hại nhằm làm họ tê liệt ý chí không kháng cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của họ, giá trị tài sản mà bị cáo cùng đồng bọn chiếm đoạt qua định giá là 53.300.000 đồng, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 truy tố bị cáo theo Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng định khung hình phạt:

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo và đồng bọn thuộc trường hợp dùng phương tiện nguy hiểm và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đến dưới hai trăm triệu đồng đây là các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, do đó cần phải áp dụng để xử phạt bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác. Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên áp dụng cho bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Khi phạm tội bị cáo còn trong độ tuổi chưa thành niên nên áp dụng thêm Điều 69; Điều 71; Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, để giảm nhẹ thêm một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Đồng thời xử phạt bị cáo với mức án thấp hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với: Số tiền 3.250.000 đồng mà bị cáo được chia qua các vụ cướp và đã tiêu xài hết. Mặc dù những người bị hại đã nhận lại tài sản cũng như nhận tiền bồi thường từ các bị cáo khác nên không có yêu cầu gì thêm, đồng thời các bị cáo khác cũng không có yêu cầu buộc bị cáo Nhựt phải trả lại tiền, nhưng xét đây là tiền bị cáo có được do phạm tội nên cần phải buộc bị cáo nộp lại để tích thu sung quỹ Nhà nước mới đúng quy định của pháp luật.

Về dân sự: Các người bị hại đã nhận lại tài sản và cam kết không khiếu nại, thắc mắc gì về sau nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu N1** phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 71; Điều 74; Điều 20; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu N1** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2017.

2. Áp dụng Điều 41; Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009: Buộc bị cáo phải nộp lại 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng để tích thu sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án, nếu bị cáo không thi hành các khoản nêu trên, thì hàng tháng bị cáo phải chịu tiền

lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. *Về án phí*: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- PC53-Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Thi hành án Dân sự Quận 2;
- Công an Quận 2;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đoàn Nam Hà